TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HS-ST
Ngày: 29/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngọc
Bà Lê Thị Kim Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Duy- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án; Điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai gồm: Bị cáo, Thư ký, cán bộ chiến sỹ thuộc nơi giam giữ đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác không), sinh ngày 24/7/1983, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1943 và bà Khương Thị M, sinh năm 1949. Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1988 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2022)

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2023, hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Công ty TNHH F

Địa chỉ: khu Công nghiệp N 6, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật ông S – chức vụ Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Thanh B – chức vụ quản lý phòng tổng vụ (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đào Thị T1, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố PH, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T là tài xế xe nâng của Công ty F thuộc khu công nghiệp N, huyện N. Vào ngày 26/11/2019 Trương Hoàng X (chưa rõ nhân thân) là tài xế của Hợp tác xã vận tải N có hợp đồng vận tải hàng hóa cho công ty F rủ T lấy trộm hạt nhựa của công ty bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, X điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-251.11 chở hàng vào công ty F, T điều khiển xe nâng vận chuyển hàng từ xe ô tô tải vào trong xưởng của công ty. Sau đó, lợi dụng trong lúc xưởng không có người trông coi, T điều khiển xe nâng 01 palet có 40 bảo hạt nhựa có mã sản phẩm YSP05000095, tổng trọng lượng là 1000kg lên xe ô tô tải cho X chở ra ngoài bán. Đến sáng 27/11/2019 X hẹn T ra quán cà phê "Công Tử" thuộc ấp 1, xã L, huyện N đưa cho T 5.000.000đồng, T tiêu xài hết. Sau đó T và X nghỉ việc rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Công ty F theo dõi Camera an ninh thì phát hiện T dùng xe nâng đưa 01 palet hạt nhựa lên xe ô tô tải của X chở ra ngoài công ty nên đã đến Đồn công an Khu công nghiệp N trình báo. Công an Đồn khu công nghiệp N lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 21/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện N ra quyết định khởi tố bị can và lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn T. Do T bỏ trốn nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra lệnh truy nã với T. Ngày 02/01/2023 Nguyễn Văn T bị Công an huyện N bắt theo lệnh truy nã.

Tại Kết luận định giá tài sản số 266/KLĐG-HĐĐG ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản của UBND huyện N kết luận 40 bao tải hạt nhựa, tổng trọng lượng 1000kg, có giá 68.000.000đồng (sáu mươi tám triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Tang vật thu giữ gồm:

+ 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 60C -251.11

+ 40 bao tải nhựa, trọng lượng 1000ks (chưa thu hồi được).

Tại Cáo trạng số: 110/CT-VKS-NT ngày 05 tháng 5 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản"

theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về hình phạt: Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

- Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:

+ Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 60C -251.11cho chủ sở hữu là bà Đào Thị T1 nên không đặt ra giải quyết.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bà Đào Thị T1 chủ phương tiện đã tự nguyện bồi thường số tiền 68.000.000đồng cho Công ty F và Công ty không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

- *Tóm tắt lời khai của bị hại Công ty TNHH F có tại hồ sơ:* Qua kiểm tra Camera thì vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, Trương Hoàng X (chưa rõ nhân thân) là tài xế của Hợp tác xã vận tải N có hợp đồng vận tải hàng hóa cho công ty F điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 60C-251.11 chở hàng vào công ty F, T điều khiển xe nâng 01 palet có 40 bảo hạt nhựa có mã sản phẩm YSP05000095, tổng trọng lượng là 1000kg lên xe ô tô tải cho X chở ra ngoài bán. Theo kết quả định giá tài sản thì tài sản bị mất trộm có giá 68.000.000đồng (sáu mươi tám triệu đồng). Bà T1 là chủ chiếc xe 60C-251.11 đã tự nguyện bồi thường số tiền 68.000.000đồng (sáu mươi tám triệu đồng) cho công ty nên công ty không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- *Tóm tắt lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T1 có tại hồ sơ:*

Bà là chủ chiếc xe 60C-251.11, bà có đưa xe tham gia vào Hợp tác xã vận tải N và ký dịch vụ vận chuyển hàng cho Công ty F. Do quan hệ quen biết ngoài xã hội bà thuê Trương Hoàng X vào làm tài xế, việc X sử dụng xe vào lấy trộm tài sản của công ty F bà hoàn toàn không biết. Sau khi sự việc xảy ra phía công ty F có yêu cầu bà bồi thường, bà đã bồi thường xong cho công ty số tiền 68.105.000đồng và đã nhận lại chiếc xe 60C-251.11.Bà không yêu cầu anh X, anh T hỗ trợ, bồi thường tiền cho bà và đề nghị Công ty F làm đơn bãi nại cho

anh X, anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại Công ty F và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt. Tại hồ sơ thể hiện Công ty F đã được bà Đào Thị T1 chủ phương tiện bồi thường xong, phía công ty và bà T1 không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự và hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, không có tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai ban đầu, lời khai của bị hại, cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có cơ sở kết luận:

Vào ngày 26/11/2019, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 40 bao hạt nhựa. Tổng trọng lượng 1000 kg có trị giá 68.000.000 đồng của Công ty F thuộc Khu công nghiệp 6 N, huyện N, tỉnh Đồng Nai thì bị phát hiện xử lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu về mặt an ninh và trật tự trong xã hội. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra nhưng do tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Sau khi tội phạm xảy ra bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt theo Quyết định truy nã. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với

hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Về Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là Công ty TNHH F, bà T1 đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị hại, bà T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 60C -251.11 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N cho chủ sở hữu là bà Đào Thị T1 nên không xét.

[7] Đối với Trương Hoàng X, do chưa xác định được nhân thân và hình ảnh để nhận dạng nên Cơ quan CSĐT đã ra quyết định tách hành vi của X để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[8] Quan điểm truy tố, tội danh, điều luật áp dụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các Điều 136, 260, 298, 299, 326, 331, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/01/2023

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan THAHS huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lợi